

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CXD2 Nĩm h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ã T : H c ph n : 122067201507 - C lĩ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671030355	36CXD2	H Tu n Anh	26/09/1993				1.0			1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	
2	3671030327	36CXD2	Tr©Qu c B o	04/07/1994				4.0			4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	
3	3671030488	36CXD2	Tr n Minh B o	03/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
4	3671031943	36CXD2	Bùi Hòa Bình	08/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
5	3671030472	36CXD2	V½VÑñ C ng	30/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
6	3671050415	36CXD2	Nguy n H VHO C ng	05/12/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
7	3671030398	36CXD2	Nguy n Duy Châu	24/06/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
8	3671031979	36CXD2	Bi n VÑñ Chính	10/12/1994				4.0			4.0	1.2	5.5	3.9	5.1	
9	3671032034	36CXD2	Nguy n Th©ñh Dôn	20/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
10	3671031851	36CXD2	Châu Quang ã i	15/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
11	3671030337	36CXD2	Nguy n Th©ñh ã ng	21/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
12	3671030446	36CXD2	Lâm Minh ã ng	18/06/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
13	3671030409	36CXD2	Nguy n Ph¾c H u	14/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
14	3671030322	36CXD2	Ngô Hi u	02/06/1993				4.0			4.0	1.2	5.0	3.5	4.7	
15	3671030404	36CXD2	Tr nh Nam Hi p	28/07/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
16	3671030331	36CXD2	Huñh Ng c Thanh Hoàng	23/02/1994				4.0			4.0	1.2	2.0	1.4	2.6	
17	3671031860	36CXD2	Nguy n Duy Huy Hoàng	10/04/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
18	3671030376	36CXD2	Tr n Huy Hoàng	14/08/1994				3.0			3.0	0.9	4.5	3.2	4.1	
19	3671031611	36CXD2	Lªm VÑñ Huy	25/06/1994				2.0			2.0	0.6	6.0	4.2	4.8	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067201507 - C ấ l ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671030507	36CXD2	Phan Nh t	Huy	09/02/1994				7.0			7.0	2.1	8.5	6.0	8.1	
21	3671030324	36CXD2	D ấ ng Th	Huynh	08/12/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
22	3671030444	36CXD2	L u Thanh	H u	10/08/1994				3.0			3.0	0.9	5.5	3.9	4.8	
23	3671030519	36CXD2	V ấ Tr ấ ng	H u	03/01/1994				4.0			4.0	1.2	5.0	3.5	4.7	
24	3671030497	36CXD2	ấ o ấ Minh	Khoa	05/12/1994				4.0			4.0	1.2	10.0	7.0	8.2	
25	3671030496	36CXD2	Phan Quang	Khoa	07/06/1992				3.0			3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	
26	3671030416	36CXD2	VH ấ Ng c	L ấ m	10/07/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
27	3671030449	36CXD2	Ph m V ấ	Linh	12/09/1994				2.0			2.0	0.6	5.5	3.9	4.5	
28	3671030440	36CXD2	Tr n C ấ ng	L ch	17/07/1994				3.0			3.0	0.9	6.0	4.2	5.1	
29	3671030381	36CXD2	Tr ấ ng Quang	L u	28/03/1994				3.0			3.0	0.9	6.5	4.6	5.5	
30	3671030385	36CXD2	Ngô Minh	Nhân	24/08/1994				4.0			4.0	1.2	5.5	3.9	5.1	
31	3671031913	36CXD2	Huynh	Ph c	10/07/1994				7.0			7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
32	3671030319	36CXD2	Lê Hoàng	Sa	22/04/1994				4.0			4.0	1.2	8.0	5.6	6.8	
33	3671030485	36CXD2	Nguy n Ho ấ	S n	18/01/1994				4.0			4.0	1.2	6.0	4.2	5.4	
34	3671030361	36CXD2	Huynh Tr ấ	Tài	22/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
35	3671030399	36CXD2	L u Thanh	Tài	07/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
36	3671030518	36CXD2	Nguy n V ấ	T nh	04/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
37	3671030516	36CXD2	Vô Thanh	Toàn	28/11/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
38	3671030349	36CXD2	Nguy n Th ấ i Anh	Tu n	02/04/1993				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N HP

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CXD2 N h c : 2012-2013 ã VHT : 2
H ã T : H c ph n : 122067201507 - C lĩ thuy t 2 H c km : HK02
(30,0,0,0,0,0)

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671030491	36CXD2	Hà Chí	Thành	17/06/1994				4.0			4.0	1.2	1.0	0.7	1.9	
40	3671030352	36CXD2	Tr n Nghĩ	Th o	14/10/1993				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
41	3671030340	36CXD2	Nguy n Tr n Ninh	Thu n	01/07/1994				2.0			2.0	0.6	2.5	1.8	2.4	
42	3671030378	36CXD2	Võ Hoàng Anh	Th	04/02/1994				3.0			3.0	0.9	6.0	4.2	5.1	
43	3671030510	36CXD2	L ² V ã	Trãi	23/12/1994				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
44	3671030356	36CXD2	Nguy n Anh	Vĩ t	10/08/1991				4.0			4.0	1.2	0.5	0.4	1.6	
45	3671030458	36CXD2	Tr n C»ng	Vinh	10/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
46	3671030379	36CXD2	Mai V ã	V I O	10/05/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
47	3671030478	36CXD2	V ½ V ã	V ng	15/12/1994				2.0			2.0	0.6	1.0	0.7	1.3	

T ng s : 47 h c sinh sinh vĩ² n Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi" o Vĩ² n B M»n Gi" o V Khoa